

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/ HNGĐ - ST

Ngày 25/12/2018

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đình Duy Quyết** và ông **Đình Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn P, xã G, huyện V, tỉnh N; (Có mặt tại phiên toà).

Bị đơn: Anh **Đình Văn T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn P, xã G, huyện V, tỉnh N; (vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28 tháng 8 năm 2018, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày: giữa chị Trần Thị N và bị đơn là anh Đình Văn T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 3 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn P, xã G, huyện V. Chị N và anh T chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, anh T thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con; chị N và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi

chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho tới nay. Chị N thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung; Chị Trần Thị N trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Đinh Quang T, sinh ngày 09/12/2011; cháu nhỏ là Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 01/6/2013. Hiện tại anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Quang T, còn chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Thị Thanh V. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị N đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Thị Thanh V; còn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Quang T, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung; chị Trần Thị N không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Anh Đinh Văn T đã được Toà án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đinh Văn T (là bị đơn trong vụ án) đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập họp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Đinh Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 15/3/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, anh T thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con, khi được chị N và gia đình khuyên bảo nhưng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập

hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Đinh Văn T cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị N và anh Đinh Văn T có hai con chung cháu lớn là Đinh Quang T, sinh ngày 09/12/2011; cháu nhỏ là Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 01/6/2013. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Thị Thanh V; còn cháu Đinh Quang T để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T có hai con chung cháu V đã trên ba tuổi, cháu T đã trên bảy tuổi, trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Đinh Thị Thanh V do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, còn cháu Đinh Quang T do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đều đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặc dù chị N là công nhân của Công ty TNHH GREAT GLOBAL tại khu Công nghiệp G, huyện V công việc ổn định. Anh T là lao động tự do, có thu nhập, nhưng nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Vì vậy, cần giao cháu Đinh Thị Thanh V cho chị Trần Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cần giao cháu Đinh Quang T cho anh Đinh Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Đinh Quang T và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị N và anh Đinh Văn T được ly hôn;

2. Về con chung.

Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 01/6/2013, cho tới khi cháu Đinh Thị Thanh V đủ 18 tuổi;

Giao cho anh Đinh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Quang T, sinh ngày 09/12/2011, cho tới khi cháu Đinh Quang T đủ 18 tuổi;

Anh Tài và chị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001104 ngày 28/8/2018.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NOI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Thiện Thành